TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1673/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nở
Ông Nguyễn Văn Long

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2242/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3120/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thanh P, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 503 Lô B, Chung cư B. AS, phường TMT, Quận X, Thành phố H, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông An Ho N, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

Nơi cư trú của ông An Ho N do nguyên đơn bà Đỗ Thanh P cung cấp:

Địa chỉ thứ 1: Số 103 Nangro – 84, 1110 – Dong, Seongdong – Gu, Seoul – Republic of Korea.

Địa chỉ thứ 2: Số 605 Jeonnong – Dong, Dongdaemun – Gu, Seoul – Republic of Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đỗ Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N kết hôn năm 2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 792/UBT ngày 02/6/2005, vào sổ đăng ký kết hôn số 466 quyển số 02/2005 ngày 03/6/2005 do Ủy ban nhân dân tỉnh ĐN, Việt Nam cấp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sang Hàn Quốc (Republic of Korea) sinh sống, do cuộc sống khó khăn nên năm 2009 vợ chồng trở về Việt Nam sinh sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông An Ho N thường xuyên ghen tuông khi bà Thanh P tiếp xúc với người bà con họ hàng, đồng nghiệp của bà Thanh P, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vã, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến ngày càng trầm trọng, đến năm 2017 ông An Ho N trở về Hàn Quốc (Republic of Korea) sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thanh P yêu cầu được ly hôn với ông An Ho N.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên An Jung G, sinh ngày 22/4/2006 và An Sung G, sinh ngày 29/3/2008, hiện nay 02 (Hai) con chung đang chung sống với bà Đỗ Thanh P. Khi ly hôn, bà Đỗ Thanh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung, không yêu cầu ông An Ho N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông An Ho N:

Do ông An Ho N hiện đang cư trú tại nước Hàn Quốc (Republic of Korea) nên Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Hàn Quốc (Republic of Korea) để niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông An Ho N biết như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam thông báo và yêu cầu ông An Ho N có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N, đồng thời trình bày ý kiến của ông An Ho N đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thanh P. Tuy nhiên, ông An Ho N không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông An Ho N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thanh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông An Ho N đã được cơ quan có thẩm quyền niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày

giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông An Ho N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N đã không còn chung sống từ năm 2017, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N hiện nay không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thanh P. Về con chung: Bà Đỗ Thanh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung tên An Jung G, sinh ngày 22/4/2006 và An Sung G, sinh ngày 29/3/2008, không yêu cầu ông An Ho N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay 02 (Hai) con chung đang chung sống với bà Đỗ Thanh P và nguyện vọng của 02 (Hai) con chung được bà Đỗ Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung bà Đỗ Thanh P trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thanh P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông An Ho N hiện đang cư trú tại nước Hàn Quốc (Republic of Korea), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của bị đơn ông An Ho N tại phiên tòa sơ thẩm:

Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Hàn Quốc (Republic of Korea) để niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông An Ho N biết như Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam thông báo và yêu cầu ông An Ho N có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa

bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N, đồng thời trình bày ý kiến của ông An Ho N đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thanh P. Tuy nhiên, ông An Ho N không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H, Việt Nam mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông An Ho N. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thanh P đối với bị đơn ông An Ho N, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thanh P đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông An Ho N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông An Ho N từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Đỗ Thanh P cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 792/UBT ngày 02/6/2005, vào sổ đăng ký kết hôn số 466 quyển số 02/2005 ngày 03/6/2005 do Ủy ban nhân dân tỉnh ĐN, Việt Nam cấp cho bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Đỗ Thanh P yêu cầu ly hôn ông An Ho N với lý do trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông An Ho N thường xuyên ghen tuông khi bà Thanh P tiếp xúc với người bà con họ hàng, đồng nghiệp của bà Thanh P, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vã, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến ngày càng trầm trọng, đến năm 2017 ông An Ho N trở về Hàn Quốc (Republic of Korea) sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc cho đến nay. Đối với ông An Ho N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông An Ho N không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thanh P nên được xem bị đơn ông An Ho N từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và bị đơn ông An Ho N cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với bà Đỗ Thanh P. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Đỗ Thanh P và ông An Ho N không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thanh P ly hôn ông An Ho N theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên An Jung G, sinh ngày 22/4/2006 và An Sung G, sinh ngày 29/3/2008. Xét thấy hiện nay 02 (Hai) trẻ An Jung G và An Sung G đang được bà Đỗ Thanh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tại bản khai

của 02 (Hai) trẻ An Jung G và An Sung G thể hiện có nguyện vọng được bà Đỗ Thanh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nhằm tạo điều kiện ổn định về tâm sinh lý, học hành của 02 (Hai) trẻ An Jung G và An Sung G, quyết định giao 02 (Hai) trẻ An Jung G và An Sung G cho bà Đỗ Thanh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông An Ho N theo yêu cầu của bà Đỗ Thanh P là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thanh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thanh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thanh P đối với bị đơn ông An Ho N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thanh P ly hôn ông An Ho N.

2. *Về con chung:* Có 02 (Hai) con chung tên An Jung G, sinh ngày 22/4/2006 và An Sung G, sinh ngày 29/3/2008; Giao 02 (Hai) con chung tên An Jung G và An Sung G cho bà Đỗ Thanh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con chung đối với ông An Ho N cho đến khi có yêu cầu của bà Đỗ Thanh P. Việc giao nhận 02 (Hai) con chung tên An Jung G và An Sung G do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Đỗ Thanh P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thanh P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046175 ngày 22/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Đỗ Thanh P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. *Về quyền kháng cáo bản án:*

Bà Đỗ Thanh P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông An Ho N cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày ông An Ho N được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức